Sách Giô-ên và Giáo Hội Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy La-ô-đi-xê - Số Hai Mươi Hai

Jeff Pippenger
2026-01-02

Số hai mươi hai

Trong bài viết trước, chúng ta đã đi được nửa chặng đường qua bốn lần đề cập đến Israel cổ đại như là "dòng dõi rắn độc". Trong sách Ma-thi-ơ, cả Giăng và Chúa Giê-su đều gọi những người Pha-ri-si và Sa-đu-sê là "dòng dõi rắn độc". Giăng đại diện cho sự khởi đầu của một tiến trình thử luyện, điều này được thể hiện khi ông dạy rằng Chúa Giê-su, Đấng sẽ đến sau ông, sẽ tẩy sạch sân đạp lúa của Ngài. Chúa Giê-su đã mở rộng tiến trình thử luyện của Giăng bằng cách đưa vào tiến trình phán xét, khi Ngài nhắc đến nữ hoàng Sheba và Ninêve. Sự phán xét diễn ra ở thế hệ thứ tư, và một nhóm người trong sự phán xét bộc lộ như những con rắn, vì cha của họ là ma quỷ. Chúa Giê-su còn nêu ra vấn đề thế hệ thứ tư đòi một dấu lạ, khi dấu lạ đã hiển nhiên ngay trước mắt.

Trong Ma-thi-ơ chương hai mươi ba, những lời "khốn thay" đối với người Pha-ri-si và Sa-đu-sê được trình bày, và tiến trình thử thách và phán xét lại được gắn liền với thế hệ cuối cùng. Chương hai mươi hai chuẩn bị bối cảnh cho những lời "khốn thay" của chương hai mươi ba.

> Đang khi những người Pha-ri-si nhóm họp lại, Đức Chúa Giê-su hỏi họ: Các ngươi nghĩ thế nào về Đấng Christ? Ngài là con ai?
>
> Họ thưa với Ngài: Con của Đa-vít.
>
> Ngài phán cùng họ: Vậy thì làm sao Đa-vít, bởi Thần Linh, gọi Người là Chúa, mà rằng: Chúa phán cùng Chúa tôi rằng: Hãy ngồi bên hữu Ta, cho đến khi Ta đặt các kẻ thù của ngươi làm bệ chân cho ngươi? Vậy nếu Đa-vít gọi Người là Chúa, thì làm sao Người lại là con của Đa-vít?
>
> Và không ai có thể trả lời Ngài một lời; từ ngày đó trở đi, chẳng còn ai dám hỏi Ngài thêm điều gì nữa. Ma-thi-ơ 22:41-46.

Khi cánh cửa khép lại, chấm dứt mọi sự tương giao thêm nữa, Đức Chúa Jêsus liền nêu ra tám lời khốn trong chương kế tiếp. Ở câu mười ba, lời khốn là vì đóng các cửa vào Nước Trời. Chính từ các cửa trời mà mưa cuối mùa được đổ xuống. Tám lời khốn ấy nói về những kẻ tự xưng mở cánh cửa mà chẳng ai có thể mở và đóng cánh cửa mà chẳng ai có thể đóng. Trong khải tượng, Bà White được cho thấy những người không theo Đấng Christ vào Nơi Chí Thánh đã gửi lời cầu nguyện của mình đến Nơi Thánh trống không, nơi Sa-tan, giả làm Đấng Christ, khiến họ tin rằng mọi sự đều ổn. Họ đã mở lại Nơi Thánh và đóng Nơi Chí Thánh.

> "Nhiều người nhìn với kinh hoàng vào đường lối của người Do Thái khi họ khước từ và đóng đinh Chúa Kitô; và khi họ đọc lịch sử về những sự sỉ nhục đáng hổ thẹn mà Ngài phải chịu, họ nghĩ rằng họ yêu Ngài, và sẽ không chối Ngài như Phi-e-rơ đã làm, cũng không đóng đinh Ngài như người Do Thái đã làm. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng dò xét lòng mọi người, đã đem tình yêu dành cho Chúa Giê-su mà họ nói là mình cảm nhận ra thử nghiệm. Cả thiên đàng dõi

theo với mối quan tâm sâu sắc nhất việc tiếp nhận sứ điệp của thiên sứ thứ nhất. Nhưng nhiều người tuy xưng yêu Chúa Giê-su và đã rơi lệ khi đọc câu chuyện về thập tự giá lại chế giễu tin mừng về sự đến của Ngài. Thay vì tiếp nhận sứ điệp ấy cách vui mừng, họ tuyên bố đó là một sự mê lầm. Họ ghét những kẻ yêu mến sự hiện đến của Ngài và loại họ ra khỏi các hội thánh. Những kẻ khước từ sứ điệp thứ nhất thì không thể nhận được ích lợi từ sứ điệp thứ hai; họ cũng chẳng được ích lợi gì bởi tiếng kêu lúc nửa đêm, vốn nhằm chuẩn bị cho họ, bởi đức tin, đi vào cùng với Chúa Giê-su nơi chí thánh của đền thánh trên trời. Và bởi chối bỏ hai sứ điệp trước, họ đã làm tối tăm sự hiểu biết của mình đến nỗi không thấy chút ánh sáng nào trong sứ điệp của thiên sứ thứ ba, sứ điệp chỉ bày con đường vào nơi chí thánh. Tôi thấy rằng cũng như người Do Thái đã đóng đinh Chúa Giê-su, thì các hội thánh chỉ trên danh nghĩa đã đóng đinh những sứ điệp này; bởi vậy họ chẳng biết gì về con đường vào nơi chí thánh, và họ không thể nhận được ích lợi từ sự cầu thay của Chúa Giê-su tại đó. Giống như người Do Thái dâng những sinh tế vô ích, họ dâng những lời cầu nguyện vô ích của mình lên tại gian mà Chúa Giê-su đã rời bỏ; và Sa-tan, hài lòng với sự lừa dối ấy, khoác lấy vẻ bề ngoài tôn giáo, và dẫn dắt tâm trí của những người tự xưng là Cơ Đốc nhân này về với hắn, hành động bằng quyền năng của hắn, bằng các dấu lạ và những phép mầu dối trá, để trói chặt họ trong cạm bẫy của hắn." Early Writings, 258-261.

Câu mười bốn là lời khốn trách về việc chiếm đoạt nhà cửa của các bà góa và những lời cầu nguyện dài dòng. Lời khốn trách ở câu mười lăm là vì họ khiến những người cải đạo của mình trở thành con cái của địa ngục gấp đôi họ. Từ câu mười sáu đến hai mươi hai, những kẻ gian ác thề nhân danh đền thờ.

"Đây không phải là lời của Bà White, mà là lời của Chúa, và sứ giả của Ngài đã trao chúng cho tôi để chuyển lại cho anh em. Đức Chúa Trời kêu gọi anh em không còn làm những việc trái ngược với Ngài nữa. Đã có nhiều lời chỉ dạy được ban ra liên quan đến những người tự xưng là Cơ Đốc nhân, trong khi họ bộc lộ các thuộc tính của Sa-tan, chống đối sự tiến triển của lẽ thật bằng tinh thần, lời nói và hành động, và chắc chắn đang theo con đường mà Sa-tan đang dẫn dắt họ. Trong sự cứng lòng của mình, họ đã nắm lấy quyền bính vốn không hề thuộc về họ, và họ không nên thi hành. Vị Thầy vĩ đại phán: 'Ta sẽ lật đổ, lật đổ, lật đổ.' Người ta ở Battle Creek nói: 'Đền thờ của Chúa, đền thờ của Chúa là chúng ta' nhưng họ đang dùng lửa phàm tục. Lòng họ không được ân điển của Đức Chúa Trời làm mềm lại và khuất phục." Bản Thảo Phát Hành, tập 13, trang 222.

Trong câu hai mươi ba và hai mươi bốn, lời “khốn thay” nhắm vào việc xem nhẹ công lý, lòng thương xót và sự trung tín. Các câu hai mươi lăm và hai mươi sáu nói về sự giả bộ lau sạch bên ngoài cái chén mà không làm sạch bên trong.

"Chúng ta có kho báu này," sứ đồ tiếp tục, "trong những bình bằng đất, để sự trỗi vượt của quyền năng ấy là của Đức Chúa Trời, chứ không phải của chúng ta." Đức Chúa Trời có thể công bố lẽ thật của Ngài qua các thiên sứ vô tội, nhưng đó không phải là kế hoạch của Ngài. Ngài chọn những con người, những người đầy dẫy sự yếu đuối, làm khí cụ để thi hành các ý định của Ngài. Kho báu vô giá ấy được đặt trong những bình bằng đất. Qua con người, các phước lành của Ngài được mang đến thế gian. Qua họ, vinh quang của Ngài chiếu rạng vào bóng tối của tội lỗi. Công Vụ Các Sứ Đồ, 330.

Rồi các câu hai mươi bảy và hai mươi tám xác định kẻ ác là những mồ mả tô vôi, liên hệ với Shebna trong Ê-sai chương hai mươi hai, nơi Shebna khoe khoang về ngôi mộ tuyệt đẹp mà ông đang xây, nhưng sẽ chẳng bao giờ được ở trong đó, vì Đức Chúa Trời sẽ nhổ ông ra khỏi miệng Ngài, ném vào một cánh đồng xa. Cánh đồng xa ấy được biểu trưng bởi ngôi mộ của nhà tiên tri nói dối ở Bê-tên, kẻ đã khiến vị tiên tri không vâng lời bị chôn trong cùng một ngôi mộ. Rồi lời "khốn thay" thứ tám nói:

> Khốn cho các ngươi, các thầy thông giáo và người Pha-ri-si, bọn giả hình! Vì các ngươi xây mồ của các tiên tri và tô điểm các mồ mả của những người công chính, rồi nói: Nếu chúng ta đã sống trong thời cha ông chúng ta, hẳn chúng ta đã không dự phần với họ trong việc đổ máu các tiên tri. Bởi đó, các ngươi tự làm chứng cho chính mình rằng các ngươi là con cháu của những kẻ đã giết các tiên tri. Vậy thì hãy làm cho đầy mức của cha ông các ngươi.
>
> Hỡi lũ rắn, hỡi nòi rắn lục, làm sao các ngươi thoát khỏi án phạt của địa ngục?
>
> Bởi vậy, kìa, Ta sai đến với các ngươi các tiên tri, những người khôn ngoan và các thầy thông giáo; trong số ấy, có kẻ các ngươi sẽ giết và đóng đinh, có kẻ các ngươi sẽ đánh đòn trong các hội đường của các ngươi và bắt bớ từ thành này sang thành khác; để trên các ngươi giáng xuống tất cả máu của người công chính đã đổ ra trên đất, từ máu của A-bên, người công chính, đến máu của Xa-cha-ri, con của Ba-ra-chi-a, người mà các ngươi đã giết giữa đền thờ và bàn thờ.
>
> Quả thật, Ta nói với các ngươi, tất cả những điều này sẽ giáng trên thế hệ này. Ma-thi-ơ 23:29-36.

Những con rắn, tức dòng dõi rắn độc, đang bị phán xét trong đoạn này. Trong đoạn này, sự phán xét không dựa trên lời chứng của Nữ hoàng Sheba và Ninevah, nhưng bởi huyết từ Abel đến Zacharias. Thế hệ thứ tư, là rắn độc, bị phán xét bởi hai nhân chứng từ lịch sử bên ngoài của Israel cổ đại và hai nhân chứng từ lịch sử bên trong của Israel cổ đại. Lu-ca chương ba là lần cuối cùng trong bốn lần nhắc đến những con rắn độc của thế hệ thứ tư và cuối cùng, và nó đơn giản chỉ là đoạn song song với Ma-thi-ơ chương ba. Bốn chỗ dẫn này xác định rằng trong kỳ phán xét cuối cùng của nhà của Đức Chúa Trời, trong thế hệ thứ tư, một nhóm sẽ bày tỏ bản chất của mình như là con trai và con gái của Sa-tan, còn nhóm kia như là con trai và con gái của Đức Chúa Trời. Quá trình thử thách khởi xướng sự phân rẽ bắt đầu khi sứ giả dọn đường cho Sứ giả của Giao ước cất tiếng trong đồng vắng.

Trong tấm dệt thiêng liêng của Kinh Thánh, những tên gọi không chỉ là danh xưng đơn thuần mà là những lời tiên tri thì thầm—những khúc ca thứ hai được hát dưới bề mặt lịch sử, bày tỏ trái tim của sự cứu chuộc. Khi ý nghĩa các tên của những hậu duệ từ Adam đến Noah được sắp xếp thành một câu, nó tạo nên một thông điệp tương ứng với lịch sử mà gia phả ấy phản ánh. Adam nghĩa là “người”, và Seth nghĩa là “được chỉ định”. Enosh nghĩa là “phàm/ phải chết” (chịu sự chết), và Kenan nghĩa là “đau buồn”. Qua “sự ca ngợi/phúc lành của Đức Chúa Trời” (Mahalalel), Trời sẽ “giáng xuống” (Jared). Trời đã giáng xuống như “Đấng được dâng hiến hay được xức dầu” (Enoch), Đấng công bố sứ điệp phán xét qua người con trai là Methuselah (“khi ông chết, điều ấy sẽ được sai đến”). Cái chết của ông sẽ là cao trào của một sự tuôn đổ “mạnh mẽ” của Đức Thánh

Linh, được biểu trưng bởi Lamech (hơi thở) hiệp cùng Methuselah, như Tiếng Kêu Nửa Đêm hiệp cùng thiên sứ thứ hai. Methuselah là thiên sứ thứ hai và Lamech là Tiếng Kêu Nửa Đêm, đạt đến cao trào trong trận đại hồng thủy thời Noah.

Đúc kết hơn nữa, những tên gọi cho biết: “Con người đã được định là hữu tử, phải chịu đau khổ và sự chết, vì hậu quả của A-đam thứ nhất; nhưng nhờ phước lành của Đức Chúa Trời, Đấng Christ đã tự nguyện hạ mình mà đến, công bố sự phán xét qua sự chết của Ngài trên thập tự giá, tiếp theo là sự tuôn đổ đầy quyền năng của Đức Thánh Linh.”

Mười tên gọi này tóm lược sứ điệp Tin Lành đồng thời lần theo lịch sử Trái Đất từ công cuộc sáng tạo đến mưa muộn, và đạt đến cao điểm trong Sự Tái Lâm. Biểu tượng này, ẩn trong các tên gọi, tìm thấy sự tương ứng của nó trong sách Khải Huyền. Sáng Thế Ký trình bày gia phả alpha, còn 144.000 người trong Khải Huyền 7 trình bày sự ứng nghiệm omega nơi số dân sót được đóng ấn.

Judah có nghĩa là "ca ngợi," Reuben có nghĩa là "kìa, một con trai," Gad có nghĩa là "vận may/đoàn quân," Asher có nghĩa là "hạnh phúc/được ban phước," và Naphtali có nghĩa là "vật lộn." Manasseh có nghĩa là "làm cho quên," Simeon có nghĩa là "lắng nghe," Levi có nghĩa là "gắn bó/gắn liền," Issachar có nghĩa là "phần thưởng," Zebulun có nghĩa là "vinh dự/chỗ ở," Joseph có nghĩa là "gia tăng," và Benjamin có nghĩa là "con trai của tay phải."

Những ai theo Sư Tử của chi phái Giu-đa là con cái Đức Chúa Trời, được ban phước khi họ trải qua tiến trình thử luyện của việc vật lộn với Đức Chúa Trời như Gia-cốp đã làm. Qua sự tranh đấu này, tội lỗi của họ được xóa nhòa trong tiến trình nên thánh được tạo nên bởi việc lắng nghe Lời Đức Chúa Trời; tiến trình ấy lại gắn kết họ với Đấng Christ trong mối quan hệ giao ước. Phần thưởng của họ là được cư ngụ cách tôn quý với Đấng Christ trên ngôi của Ngài, ngồi tại các nơi trên trời, khi Đức Chúa Trời dùng họ để mở rộng vương quốc của Ngài—gọi đại đoàn dân ra khỏi Ba-by-lôn như những người con bên hữu của Ngài.

Sáu người con trai của Leah là Rueben, Judah, Simeon, Levi, Issachar và Zebulun. Người hầu gái của bà, Zilpah, tên có nghĩa là "một giọt hương thơm", có hai con trai là Gad và Asher. Hai người con trai của Rachel là Joseph và Benjamin. Người hầu của Rachel, Bilhah, tên có nghĩa là "rụt rè hoặc nhút nhát", và các con trai của bà là Dan và Naphtali. Xét về phương diện tiên tri, gia phả này cung cấp một số nhánh để xem xét. Khác với alpha và mười thế hệ trong sách Sáng thế, chương năm, omega có mười hai hậu duệ, với các biến số tiên tri riêng. Trong số một trăm bốn mươi bốn nghìn, Dan không được nhắc đến và Manasseh thay thế người anh/em trai của mình là Ephraim.

Gia phả anpha của Sáng Thế Ký tương ứng với gia phả ômêga của Khải Huyền, vì Sáng Thế Ký nêu rõ công việc thần linh của Đấng Christ trong sự cứu rỗi, và Khải Huyền xác định những ai, trong sự ứng nghiệm ômêga của lời tiên tri anpha ấy, đã hoàn tất cách trọn vẹn chính lời hứa và lời tiên tri được nêu ra trong lời tiên tri anpha.

Việc áp dụng hai dòng này thường được các nhà thần học thực hiện, nhưng chưa bao giờ với quan điểm của phương pháp “dòng nọ nối dòng kia”. Hai gia phả trong Sáng Thế Ký và Khải Huyền cung cấp hai nhân chứng rằng Đức Chúa Trời phán dạy ở một cấp độ thứ hai. Một “ngôn ngữ” là lời chứng được ghi chép, và một dòng thứ hai bên trong lời chứng ấy được trình bày ở cấp độ biểu

tượng. Các nhà thần học thường không đi xa hơn những quan sát bề mặt về thông điệp được truyền đạt qua ý nghĩa các tên trong Sáng Thế Ký và Khải Huyền. Họ xem điều mình thấy như một điều mới lạ, thực chất nói nhiều hơn về sự khôn ngoan loài người của chính họ, thể hiện qua thái độ đạo mạo tự đắc khi khoe mình thấy ẩn dụ trong ý nghĩa các tên. Họ chẳng bao giờ thấy được thông điệp bày tỏ nơi mười hai con trai của Ích-ma-ên. Họ không nhìn đúng các gia phả của Chúa Giê-su trong Ma-thi-ơ và Lu-ca. Họ cũng không thấy các gia phả của bảy vua cuối cùng của Giu-đa, bảy vua cuối cùng của Y-sơ-ra-ên, bảy vua đầu tiên của Giu-đa hay bảy vua đầu tiên của Y-sơ-ra-ên.

Khi tôi nói họ không thấy, ý tôi là: nếu bạn hỏi Google liệu có những bài dạy về các gia phả này không, câu trả lời là “có” đối với từ A-đam đến Nô-ê trong Sáng thế ký, và “có” đối với con số một trăm bốn mươi bốn ngàn. Nhưng họ có áp dụng mười hậu duệ của Áp-ram trong Sáng thế ký chương 11 theo cách này không? Không. Họ có áp dụng gia phả của Ca-in và gia phả của Sết không? Có, nhưng xa rời ý nghĩa thực đến mức cứ như họ đang nói về một chủ đề khác. Họ chắc chắn đề cập đến các gia phả của Đấng Christ trong Ma-thi-ơ và Lu-ca, nhưng một lần nữa, họ chệch mục tiêu rất xa. Bạn hỏi tại sao điều đó lại quan trọng? Vì tôi dự định đưa ra một bản tổng quan về những dòng gia phả mang tính tiên tri này, và tôi muốn nói rõ ngay từ đầu rằng tôi đang cố xác định ý nghĩa của thế hệ thứ tư như một biểu tượng của lời tiên tri trong Kinh Thánh. Bản tổng quan về các gia phả này sẽ giúp ích theo hướng đó, nhưng sẽ là một sự tắc trách nếu ai đó nghĩ rằng bản tóm tắt đơn giản về những điều sẽ trình bày sau đây là tất cả những gì cần hiểu về các dòng gia phả này.

Sau gia phả từ A-đam đến Nô-ê, chúng ta thấy hai dòng gia phả trong các chương bốn và năm của Sáng Thế Ký. Hai dòng đó được đại diện bởi dòng dõi của Ca-in và dòng dõi của Sết. Khác với gia phả từ A-đam đến Nô-ê vốn gồm mười đời con cháu, cả dòng Sết lẫn dòng Ca-in đều chỉ ghi nhận tám đời con cháu. Vì lý do này, chúng nên được xem như hai giai đoạn gồm bốn. Sết và Ca-in là những biểu tượng giao ước, và Ca-in đại diện cho những kẻ, theo Ê-sai hai mươi tám và hai mươi chín, lập một giao ước của sự chết, tức sẽ bị bãi bỏ khi roi vọt tràn lan. Họ là những người xây nhà mình trên cát. Những người xây trên Đá thì lập một giao ước của sự sống, như được trình bày trong I Phi-e-rơ, chương hai, là những người đã nếm biết Chúa là tốt lành và là "dòng giống được chọn." "Nhiều" người xây trên cát, nhưng "ít" người được chọn.

Gia phả của Ca-in là một hợp âm phản nghịch trong bản giao hưởng của các danh xưng, vì những cái tên ấy tượng trưng cho vinh quang của loài người vốn hão huyền, dẫn đến sự lang thang vô định sau khi bị trời giáng phạt. Phớt lờ lời cảnh báo, dòng dõi của Ca-in tuyên xưng một thần tính giả dối, khoác áo quyền lực báo thù của con người, được biểu hiện qua các nghệ thuật của nhân loại, rèn đúc nên một nền văn hóa bằng sắt; đẹp đẽ nhưng bạo lực và khô cạn hy vọng. Câu sau cùng đó là một khái quát về thông điệp trong tám thế hệ của Ca-in, được rút ra từ các tên gọi.

Dòng dõi của Sết đáp lại dòng dõi của Ca-in bằng ân điển. Trong thân phận mỏng dòn đã được định cho loài người, những ai kêu cầu Đức Chúa Trời sẽ được nỗi sầu biến thành lời ngợi khen khi trời ngự xuống. Trung tín bước đi trên con đường dẫn lên vinh quang, trong một thời kỳ thử luyện, cho đến khi tiếng kêu “hy vọng” đem lại sự yên nghỉ, qua làn nước giải cứu. Câu vừa rồi là bản khái quát về thông điệp trong tám thế hệ của Sết, được rút ra từ các tên.

Lý do chia tám thế hệ thành hai nhóm gồm bốn thế hệ được xác lập trong bước đầu tiên của giao ước, khi lời tiên tri về ách nô lệ ở Ai Cập được xác định là 400 năm, và đồng thời cho biết rằng 400 năm đó sẽ kết thúc vào thế hệ thứ tư. Khi lời chứng của Phao-lô được đưa vào lời tiên tri của giao ước Alpha, điều này tạo ra hai giai đoạn 215 năm, mỗi giai đoạn gồm bốn thế hệ. Tám thế hệ trong 430 năm đại diện cho hai giai đoạn 215 năm. Giai đoạn thứ nhất được đại diện bởi vị Pha-ra-ôn tốt, người biết Giô-sép. 215 năm sau, có một Pha-ra-ôn mới, người không biết Giô-sép. Rồi bắt đầu nhóm bốn thế hệ tiếp theo.

Việc chia tám thế hệ thành hai thời kỳ, mỗi thời kỳ được đánh dấu rõ ràng như một giai đoạn riêng gồm bốn thế hệ, củng cố việc áp dụng tám thế hệ của Ca-in và của Sết theo cùng một cách thức. Khi áp dụng như vậy, tám thế hệ của Sết sẽ được đặt song song với tám thế hệ của Ca-in. Ca-in đại diện cho số đông nhận lấy dấu của con thú, còn Sết đại diện cho số ít nhận ấn của Đức Chúa Trời. Ca-in là dấu hiệu của nhân tính, còn Sết là dấu hiệu của nhân tính kết hợp với thần tính trong bối cảnh giao ước của Nô-ê; trong khi đó, dòng dõi của Giô-sép và Môi-se thuộc bối cảnh giao ước của Áp-ram.

Rồi, trong chương mười một, gia phả của dân được chọn được trình bày qua mười tên từ Sem đến Áp-ram. Chương mười một là câu chuyện về tháp Ba-bên, nhưng cũng là gia phả của dân được chọn, do Áp-ra-ham đại diện. Chương mười một giới thiệu một dân được chọn sẽ bước vào một giao ước ba phần với Đức Chúa Trời. Bước thứ ba và cuối cùng là lễ hiến tế I-sác trong chương hai mươi hai. Chương "mười một" là khởi đầu alpha và chương "hai mươi hai" là kết thúc omega. Đức tin cần có để nghe tiếng Đức Chúa Trời trong ý nghĩa của các tên gọi không khác gì đức tin cần có để nghe tiếng Ngài trong sự đánh số của Lời Ngài. Một ứng dụng của một gia phả mà các nhà thần học không đề cập đến là gia phả của Ích-ma-ên, biểu tượng của Hồi giáo.

> Và đây là tên các con trai của Ishmael, theo tên của họ, theo dòng dõi của họ: con đầu lòng của Ishmael là Nebajoth; rồi Kedar, Adbeel, Mibsam, Mishma, Dumah, Massa, Hadar, Tema, Jetur, Naphish và Kedemah. Đây là các con trai của Ishmael, và đây là tên của họ, theo các thành của họ và theo các đồn lũy của họ; mười hai thủ lĩnh theo từng dân tộc của họ. Sáng thế ký 25:13-16.

Khi các định nghĩa của mười hai tên này được trình bày thành một tuyên bố, nó có nội dung như sau: "Theo lời tiên tri, hậu duệ của Ishmael là một dân tộc da sẫm màu, sinh sôi nảy nở, nổi tiếng là những chiến binh, nhưng phải chịu cảnh buồn đau về mặt lịch sử và tiên tri vào ngày 11 tháng 8 năm 1840 và sau đó vào ngày 11 tháng 9 năm 2001. Trong lịch sử Kinh Thánh, họ được gọi là con cái phương đông. Họ có nguồn gốc từ Ả Rập, nơi trồng các loại hương liệu thơm được dùng trong các nghi lễ đền thánh của người Do Thái. Từ "assassins" bắt nguồn từ lịch sử Hồi giáo và tượng trưng cho cái chết được gây ra trong thầm lặng. Vào thời kỳ Thập tự chinh, Hồi giáo đã bao trùm, bao vây và vây hãm châu Âu Công giáo, nhưng việc họ bị kiềm chế sau đó đánh dấu sự xuất hiện của sự phục hưng từ năm 1840 đến 1844, và cũng từ 9/11 cho đến cuộc khủng hoảng luật ngày Chủ nhật. Các định nghĩa của mười hai tên các con trai của Ishmael đều được thể hiện trong tuyên bố trước đó bằng chữ in đậm."

Mười hai tên trong dòng dõi của Ishmael thành mười ba, nếu bạn tính cả Ishmael vào danh sách. Mười ba là con số tượng trưng cho "sự phản nghịch"; đó là điều Hagar đã làm, và điều ấy dẫn đến việc Abraham đuổi Hagar và Ishmael đi. Paul dùng sự kiện đó để mô tả việc Israel cổ đại bị loại khỏi tư cách là dân giao ước của Đức Chúa Trời, đồng thời Ngài đang thiết lập một giao ước với tân nương Cơ Đốc của Ngài.

> Vì có chép rằng Áp-ra-ham có hai con trai: một bởi nữ tỳ, còn người kia bởi người đàn bà tự do. Nhưng con của nữ tỳ thì sinh theo xác thịt; còn con của người đàn bà tự do thì do lời hứa. Những điều ấy có nghĩa bóng: vì đó là hai giao ước; một từ núi Si-na-i, sinh ra làm nô lệ, ấy là A-ga. Vì A-ga là núi Si-na-i tại Ả Rập, và ứng với Giê-ru-sa-lem hiện nay, là thành đang ở trong cảnh nô lệ cùng với các con mình. Nhưng Giê-ru-sa-lem ở trên thì tự do, là mẹ của hết thảy chúng ta. Vì có chép: Hỡi người son sẻ không sinh nở, hãy vui mừng; hỡi người không chịu đau đớn sinh đẻ, hãy cất tiếng reo mừng; vì kẻ hiu quạnh có nhiều con hơn người có chồng. Hiện nay, hỡi anh em, chúng ta, như Y-sác, là con của lời hứa. Nhưng như bấy giờ, kẻ sinh theo xác thịt bắt bớ kẻ sinh theo Thánh Linh, thì bây giờ cũng vậy. Song Kinh Thánh nói gì? Hãy đuổi nữ tỳ và con nó đi; vì con của nữ tỳ sẽ không được kế nghiệp với con của người đàn bà tự do. Vậy, hỡi anh em, chúng ta chẳng phải là con của nữ tỳ, bèn là con của người đàn bà tự do. Ga-la-ti 4:22-31.

Ishmael là một biểu tượng của Hồi giáo, và Hagar, mẹ của Ishmael, là một biểu tượng của giáo hội thuộc giao ước của sự chết. Isaac là một biểu tượng của Kitô giáo, và Sarah là một biểu tượng của giáo hội thuộc giao ước của sự sống. Vì thế, Ishmael đã có mười hai người con trai, vì mười hai là một biểu tượng của dân giao ước của Thiên Chúa, và Hồi giáo là một sự giả mạo của dân giao ước của Thiên Chúa.

Có hai gia phả của Chúa Kitô trong các sách Tin Mừng. Một ở trong sách Mát-thêu và một ở trong sách Lu-ca.

> Gia-cốp sinh Giô-sép, chồng của Ma-ri; Ma-ri sinh Giê-su, gọi là Đấng Christ. Vậy, hết thảy các đời từ Áp-ra-ham đến Đa-vít là mười bốn đời; từ Đa-vít cho đến khi bị lưu đày sang Ba-by-lôn là mười bốn đời; và từ lúc bị lưu đày sang Ba-by-lôn cho đến Đấng Christ là mười bốn đời. Sự ra đời của Đức Chúa Giê-su Christ đã diễn ra như sau: Khi mẹ Ngài là Ma-ri đã đính hôn với Giô-sép, trước khi họ ăn ở với nhau, người ta thấy bà mang thai bởi Đức Thánh Linh. Ma-thi-ơ 1:16-18.

Gia phả theo Matthêu nêu ra ba thời kỳ bằng nhau, mỗi thời kỳ gồm mười bốn đời, hợp thành một thời kỳ bốn mươi hai đời. Đấng Christ là Omega của lịch sử giao ước, còn Môi-se là Alpha của lịch sử giao ước. Môi-se đã tiên tri rằng Đấng Christ sẽ "giống như chính ông". Trong cuộc đời một trăm hai mươi năm của mình, Môi-se có ba giai đoạn bốn mươi năm. Mỗi giai đoạn bốn mươi năm trong đời Môi-se, khi đặt dòng trên dòng, đều kết thúc tại Ka-đe, một biểu tượng cho năm 1863 và luật Chủ nhật. Ba thời kỳ của Đấng Christ kết thúc ở Đa-vít, thời kỳ lưu đày tại Ba-by-lôn, và việc Đấng Christ xác nhận giao ước bằng huyết Ngài tại thập tự giá. Đa-vít tượng trưng cho sự tôn cao của Hội Thánh khải hoàn vào thời điểm luật Chủ nhật, và dòng thứ hai chỉ ra các trinh nữ dại bị đưa vào Ba-by-lôn, vào thời điểm luật Chủ nhật. Thời kỳ thứ ba kết thúc tại thập tự giá, điều này một lần nữa tiêu biểu cho luật Chủ nhật, nơi Đấng Christ xác nhận giao ước của Áp-ra-ham với

một trăm bốn mươi bốn nghìn và giao ước của Nô-ê với đoàn người đông vô kể.

Những gì có thể hiểu được khi đặt hai dòng này chồng lên nhau thật đáng kinh ngạc. Một trăm hai mươi năm của Môi-se tương ứng với 120 năm của Nô-ê, và bốn mươi hai thế hệ của Đấng Christ tương ứng với kẻ phản Kitô trị vì trong bốn mươi hai tháng tượng trưng vào thời điểm luật ngày Chủ nhật.

> Và Đức Chúa Trời phán: Thần Ta sẽ không ở với loài người mãi mãi, vì loài người cũng chỉ là xác thịt; nhưng số ngày đời của loài người sẽ là một trăm hai mươi năm. Sáng Thế Ký 6:3.

Cùng với gia phả theo Ma-thi-ơ, vốn nhấn mạnh giao ước của Áp-ra-ham, gia phả của Đấng Christ do Lu-ca ghi lại được truy ngược đến tận công cuộc sáng tạo, qua đó nhấn mạnh giao ước sự sống mà A-đam đã phá vỡ trong vườn Ê-đen. Gia phả theo Lu-ca bắt đầu với Đức Chúa Giê-su, rồi lần ngược qua dòng dõi của Ngài đến tận A-đam, người được xác định là con của Đức Chúa Trời. Dòng này kết thúc nơi A-đam thứ hai trọn vẹn, và bắt đầu với A-đam thứ nhất trọn vẹn. Từ A-đam thứ nhất đến A-đam thứ hai được ghi là 77 thế hệ.

Những gia phả trong Kinh Thánh biểu trưng cho những mạch chân lý. Chúng ta vừa nhận diện được vài mạch như vậy, vượt xa số nhân chứng cần thiết để xác lập một chân lý. Các dòng gia phả chứa đựng tiếng nói của những ứng nghiệm lịch sử và những lời tiên tri về tương lai; và chúng cũng chứa đựng tiếng nói của Palmoni, Đấng Kỳ Diệu, Đấng đếm số các bí mật, vì những bí ẩn số học được đặt trong các dòng ấy tạo nên một tiếng nói thứ hai. Hai tiếng nói đó lại vang lên cùng một tiếng nói thứ ba, tiếng nói của Nhà Ngôn Ngữ Học Kỳ Diệu, Đấng đã dựng nên và tể trị muôn vật, kể cả tên người, tên địa danh và tên sự vật.

Khi John quay lại để xem tiếng nói phía sau mình, tiếng ấy như tiếng của nhiều dòng nước; và khi Daniel có cùng thị kiến, tiếng Ngài là tiếng của một đám đông. Thông điệp bề mặt của Kinh Thánh, cũng như các tên được tìm thấy kèm theo thông điệp, và cả sự đánh số bên trong thông điệp là ba tiếng nói trong một đoạn. Khi bạn lấy một dòng có ba tiếng nói và đặt nó chồng lên trên một dòng song song, ba tiếng nói trở thành nhiều tiếng nói.

> Và có tiếng phát ra từ ngai, phán rằng: Hỡi hết thảy các tôi tớ Ngài, và những ai kính sợ Ngài, cả nhỏ lẫn lớn, hãy ngợi khen Đức Chúa Trời của chúng ta. Tôi lại nghe như tiếng của một đoàn người rất đông, như tiếng của nhiều dòng nước, và như tiếng sấm dữ dội, rằng: Ha-lê-lu-gia! Vì Chúa, là Đức Chúa Trời Toàn Năng, trị vì. Khải Huyền 19:5, 6.

Một số gia phả quan trọng nhất được ghi lại trong hàng các vua của Y-sơ-ra-ên. Bảy vua đầu tiên của Y-sơ-ra-ên, tức Bắc quốc, kết thúc với Akháp, Giê-sa-bên và Ê-li, qua đó tượng trưng cho luật Chủ nhật. Dòng của bảy vua sau cùng của các chi phái phương bắc bắt đầu tại luật Chủ nhật và kết thúc tại sự chấm dứt thời kỳ ân điển cho loài người, khi Mi-ca-ên đứng dậy trong Đa-ni-ên 12. Bảy vua đầu tiên của Giu-đa minh họa lịch sử từ luật Chủ nhật cho đến khi Mi-ca-ên đứng dậy, và bảy vua sau cùng xác định lịch sử dẫn đến luật Chủ nhật. Hai dòng gia phả, cả hai đều có một lịch sử anpha và một lịch sử ômega. Giai đoạn anpha là thời kỳ từ 9/11 cho đến luật Chủ nhật, và giai đoạn ômega là từ luật Chủ nhật cho đến khi kết thúc thời kỳ ân điển. Bảy vua đầu tiên của Y-sơ-ra-ên tương ứng với bảy vua sau cùng của Giu-đa; và bảy vua sau cùng của Y-sơ-ra-ên tương ứng với

bảy vua đầu tiên của Giu-đa.

Chúng ta sẽ tiếp tục trong bài viết tiếp theo.

Hãy kiên định đến cùng

[Trích Khải Huyền 1:1, 2.] Cả Kinh Thánh là sự mặc khải; vì mọi mặc khải cho loài người đều đến qua Đấng Christ, và tất cả đều quy về Ngài. Đức Chúa Trời đã phán với chúng ta qua Con Ngài, Đấng mà chúng ta thuộc về bởi sự tạo dựng và sự cứu chuộc. Đấng Christ đã đến với Giăng, người bị lưu đày trên đảo Patmô, để ban cho ông lẽ thật cho những ngày sau rốt này, để chỉ cho ông những điều sẽ mau chóng xảy đến. Chúa Giê-su Christ là Đấng quản thác vĩ đại của mặc khải Đức Chúa Trời. Chính qua Ngài mà chúng ta biết mình phải trông đợi điều gì trong những cảnh cuối cùng của lịch sử trái đất này. Đức Chúa Trời đã ban mặc khải này cho Đấng Christ, và Đấng Christ đã bày tỏ điều ấy cho Giăng.

Giăng, môn đồ được yêu dấu, là người được chọn để nhận sự khải thị này. Ông là người sống sót cuối cùng trong số các môn đồ được chọn đầu tiên. Dưới thời kỳ Tân Ước, ông được tôn vinh như tiên tri Đa-ni-ên đã được tôn vinh dưới thời kỳ Cựu Ước.

Lời chỉ dạy cần được truyền đạt cho Giăng quan trọng đến nỗi Đấng Christ đã từ trời xuống để ban lời ấy cho đầy tớ của Ngài, bảo ông gửi lời ấy cho các hội thánh. Lời chỉ dạy này phải là đối tượng của sự học hỏi cẩn trọng và cầu nguyện của chúng ta; vì chúng ta đang sống trong một thời kỳ mà những người không ở dưới sự dạy dỗ của Đức Thánh Linh sẽ đưa vào những lý thuyết giả dối. Những người này đã đứng ở những vị trí cao, và họ có những kế hoạch đầy tham vọng để thực hiện. Họ tìm cách tôn cao chính mình và làm đảo lộn toàn bộ cục diện. Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta những lời chỉ dạy đặc biệt để bảo vệ chúng ta khỏi những kẻ như vậy. Ngài đã truyền cho Giăng viết vào một cuốn sách những điều sẽ xảy ra trong các cảnh cuối cùng của lịch sử trái đất này.

Sau khi thời kỳ đó qua đi, Đức Chúa Trời đã giao phó cho các tín hữu trung tín của Ngài những nguyên tắc quý báu của lẽ thật hiện tại. Những nguyên tắc này không được ban cho những người không hề có phần trong việc rao giảng các sứ điệp của thiên sứ thứ nhất và thứ hai. Chúng được ban cho những người công tác đã có phần trong công cuộc ấy ngay từ ban đầu.

Những người đã trải qua những kinh nghiệm này phải kiên định như đá tảng đối với các nguyên tắc đã làm cho chúng ta trở thành những tín hữu Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy. Họ phải là những người cộng tác với Đức Chúa Trời, cột lại lời chứng và niêm phong luật pháp giữa vòng các môn đồ của Ngài. Những người đã tham gia dựng lập công việc của chúng ta trên nền tảng lẽ thật Kinh Thánh, những người biết các dấu mốc đã chỉ ra con đường đúng đắn, phải được xem là những cộng sự có giá trị cao nhất. Họ có thể nói từ kinh nghiệm cá nhân về những lẽ thật đã được giao phó cho họ. Những người này không được để đức tin của mình bị biến thành sự vô tín; họ không được để ngọn cờ của thiên sứ thứ ba bị lấy khỏi tay họ. Họ phải giữ vững sự tin cậy ban đầu cho đến cuối cùng.

Chúa đã phán rằng lịch sử quá khứ sẽ được ôn lại khi chúng ta bước vào công việc sau cùng. Mọi lẽ thật mà Ngài đã ban cho những ngày sau rốt này phải được rao truyền cho cả thế gian. Mọi trụ cột mà Ngài đã thiết lập phải được củng cố. Hiện nay chúng ta không thể rời bỏ nền

tảng mà Đức Chúa Trời đã thiết lập. Hiện nay chúng ta không thể gia nhập bất kỳ tổ chức mới nào; vì điều đó sẽ đồng nghĩa với sự bội đạo khỏi lẽ thật.

Công cuộc truyền giáo y tế cần được thanh luyện và tẩy sạch khỏi mọi điều có thể làm suy yếu đức tin của các tín hữu vào những kinh nghiệm trong quá khứ của dân Đức Chúa Trời. Ê-đen, Ê-đen tươi đẹp, đã bị bại hoại bởi sự xâm nhập của tội lỗi. Hiện nay cần phải ôn lại những kinh nghiệm của những người đã đóng vai trò trong việc thiết lập công việc của chúng ta thuở ban đầu.

Thỉnh thoảng chúng ta đọc những cáo phó về các bậc vĩ nhân của thế giới. Giờ của họ đến đột ngột, chỉ trong khoảnh khắc. Nhiều người, vốn được cho là khỏe mạnh, lại chết sau một bữa tiệc, hoặc sau khi vạch ra những kế hoạch ích kỷ để nâng cao địa vị bản thân. Có lời phán: 'Nó đã dính liền với các thần tượng của mình; hãy để mặc nó.' Điều này có nghĩa là Chúa không còn che chở người ấy khỏi tai họa nữa. Cái chết bất ngờ ập đến, và cả sự nghiệp đời người ấy đáng giá gì? Đời người ấy đã là một thất bại. Cây đổ vì sức mạnh từng nâng đỡ nó đã rút đi, phó mặc nó cho lễ hiến tế thờ thần tượng của chính nó.

Đàn ông và phụ nữ mải mê tìm kiếm điều gì đó để hưởng thụ. Họ bán linh hồn mình chẳng được gì, và Đức Chúa Trời rút lại lòng nhẫn nại khoan dung của Ngài. Họ bị phó mặc cho sự lựa chọn của mình.

"Có những người, trong khi tuyên xưng tin vào lẽ thật hiện tại, đã làm sa sút đức tin của mình và từ chối bước đi trong ánh sáng. Ai bây giờ sẽ gác sang một bên những nguyên tắc ích kỷ, thế tục của mình? Ai bây giờ sẽ nỗ lực nhận thức giá trị của linh hồn? Người nào được cả thế gian mà mất linh hồn mình thì được ích gì? Hay người ta sẽ lấy gì để đổi lấy linh hồn mình? Bạn có đang đói khát bánh sự sống và nước cứu rỗi không? Bạn có nhận ra giá trị của những linh hồn mà Đấng Christ đã chết vì họ không? Những người được xem là Cơ Đốc nhân có đang sống xứng hợp với lời xưng nhận đức tin của mình không? Họ có ý thức về giá trị của linh hồn không? Họ có đang nỗ lực thanh tẩy linh hồn mình bằng sự vâng phục lẽ thật không?" Manuscript Releases, tập 20, 150, 151.